

Bản án số: 1098/2024/HS-PT
Ngày: 27/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 851/2024/TLPT- HS ngày 17 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T và các bị cáo khác; do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng T và các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 22/5/2006 tại tỉnh Tiền Giang; CCCD: 082206004526; Nơi cư trú: Số I, ô"tô F, ấp"ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: học sinh; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lê V, sinh năm 1976 và bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 29/12/2023 chuyển tạm giam 04/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: ông Nguyễn Lê V, sinh năm 1976 và bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1980 (là cha, mẹ ruột của bị cáo). Nơi cư trú: Số I, ô"tô F, ấp"ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo T: Luật sư Huỳnh Đức T1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Trần Phước T2, sinh ngày 18/5/2004 tại tỉnh Đồng Tháp; CCCD: 087204005789; Nơi cư trú: Tổ C, ấp "ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: sinh viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Như T3, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1984; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Anh V1, sinh ngày 05/4/2006 tại tỉnh Tiền Giang; CCCD: 082206012466; Nơi cư trú: Số F, ổ "tổ A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: học sinh; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Anh V2, sinh năm: 1983 và bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo V1:

+ Ông Phạm Anh V2, sinh năm 1983 (là cha của bị cáo). Nơi cư trú: Số F, ổ "tổ A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1979 (là mẹ của bị cáo). Nơi cư trú: ấp C, xã A, huyện C, Tiền Giang (có mặt).

- *Bị hại:* Phạm Hữu N, sinh ngày 23/7/2004 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại: ông Phạm Hữu T4, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Tòa án không triệu tập).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị Thu T5, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Tòa án không triệu tập).

2. Anh Lê Quốc H, sinh ngày 08/6/2006.

Người đại diện hợp pháp: bà Lê Thị Thu T6, sinh năm 1985 (mẹ của H). Nơi cư trú: số A tổ F, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng T là học sinh của Trường THPT L1 tọa lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khoảng 19 giờ ngày 28/12/2023, T có xảy ra cạ cãi đánh nhau và đập xe của Lê Quốc H, sinh ngày 08/6/2006, cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên H kể lại sự việc cho Phạm Anh V1, Văn hứa sẽ kêu T bồi thường tiền sửa xe cho H. Khoảng 20 giờ ngày 28/12/2023, V1 nhắn tin cho T hẹn 10 giờ ngày 29/12/2023 đến cổng sau amlm\\Downloads\\17" \o "Trường

THPT L1 để nói chuyện, đồng thời V1 cũng nhắn tin cho bạn là Trần Phước T2, Phạm Tuấn A và Phạm Hữu N, sinh năm 2004, cư trú ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến cổng sau Trường THPT L1 để gặp T.

Sau khi nhận tin nhắn của V1 thì T cũng sử dụng mạng Zalo nhắn tin cho Lê Phan Thế V3 và Ngô Trần Duy K hẹn 10 giờ đến cổng sau Trường THPT L1 để gặp V1 nói chuyện về việc T đánh H.

Khoảng 10 giờ 10 phút ngày 29/12/2023, sau khi T thi xong, đi ra cổng sau Trường THPT L1 thì gặp V3 và K. Lúc này, V1 cùng Tuấn A, T2 và Phạm Hữu N cũng vừa đến. V1 kêu T xin lỗi, nên dẫn đến cãi vã, V1 và T dùng tay đánh nhau, K và V3 dùng tay đánh V1 nên những người đi cùng V1 gồm Tuấn A và N cũng xông vào dùng tay đánh nhau, T2 cũng cầm dao xông vào. T thấy T2 có cầm dao nên T dùng tay phải lấy con dao giấu trong áo khoác ra đâm 01 nhát trúng vào ngực trái của N. Thấy N gục xuống đất, T cầm dao bỏ chạy 01 đoạn thì được V3 cùng K chở về nhà dì ruột Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1990, cư trú: số H, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, T dùng nước rửa vết máu trên dao rồi lấy giấy quần lại cất vào túi áo khoác. Hậu quả, N chết khi cấp cứu tại Phòng khám Đ1, huyện C, tỉnh Tiền Giang. T, K, V3 được Công an xã A mời về trụ sở làm việc; tại đây, T thừa nhận hành vi dùng dao đâm N, đồng thời giao nộp con dao đã sử dụng đâm N cho \Downloads\20" \o "cơ" cơ quan Công an.

* Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 14 giờ 05 phút ngày 29/12/2023 ghi nhận:

Hiện trường nơi xảy ra sự việc tại đường nhựa trước nhà số A và cổng sau Trường THPT L1 tọa lạc Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang được xác định như sau:

- Đoạn đường nơi xảy ra sự việc là đoạn đường cong, một nhánh hướng ra Quốc lộ A theo hướng Đ, một nhánh hướng về phía Bắc vào đường cụt. Phía Bắc giáp nhà số A, phía Nam giáp cổng sau Trường THPT L1, đoạn đường rộng trung bình 5,5m.

- Tại vị trí sát lề phía Bắc, cách cửa nhà số A 03m có một xe mô tô màu đỏ đen biển số 63D1-120.03, đầu xe hướng về phía Tây, xe 2,4m; cách lề phía Bắc 0,5m có chiếc dép nhựa phải màu đen trắng KT(27x11x8,5)cm; cách lề phía Nam 30m có chiếc dép nhựa trái cùng loại và vùng màu đỏ nghi máu dạng nhỏ giọt không liên tục diện rộng có KT(76x50)cm.

- Tại vị trí sát lề phía Nam, cách cổng sau Trường THPT L1 2,4m có một mũ bảo hiểm màu trắng có lưỡi trai nhựa màu đen KT(26x21x11)cm. Cách mũ bảo hiểm về phía T cổng Trường THPT L1 4,1m có vùng kính vỡ KT(90x38)cm và một khẩu trang vải màu đen KT(24x13)cm.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 424/2023/TgT ngày 30/12/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Kết quả khám nghiệm.
- + Vết thương vùng ngực trái, khoảng liên sườn III, IV.
- + Tụ máu dưới da vùng ngực trái.
- + Vết thương xuyên thấu qua kẽ liên sườn III, IV.
- + Tụ máu sau xương ức vùng ngực trái.
- + Vết thủng mặt sau kẽ liên sườn III, IV.
- + Phổi trái sung huyết cả hai thùy, khoang màng phổi trái khoảng 1500ml máu đỏ tươi.
- + Phổi phải sung huyết cả ba thùy.
- + Vết rách bao màng tim bên trái.
- + Bao màng tim có khoảng 100 gram máu cục và 100ml máu loãng.
- + Vết thương tim nằm ở mặt bên của tâm thất trái, thông vào buồng tim.
- + Buồng tim thất trái có ít máu loãng.
- + Vết thương xuyên thấu từ ngoài vào buồng tâm thất trái.
- Kết quả xét nghiệm nồng độ Alcool trong máu tử thi Phạm Hữu N: 14.8mmol/L.

2. Kết luận:

- Nguyên nhân tử vong tử thi Phạm Hữu N: mất máu cấp do vết thương thấu ngực xuyên tâm thất trái do vật sắc nhọn.

- Kết quả xét nghiệm nồng độ Alcool trong máu tử thi Phạm Hữu N: 14.8mmol/L.

* Bản kết luận giám định số 650/KL-KTHS ngày 23/02/2024 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Dấu vết nghi máu thu giữ tại hiện trường được ký hiệu M1 là máu người, của một nam giới. Kiểu gen của nam giới này trùng với kiểu gen của Phạm Hữu N.

- Trên con dao (kí hiệu M2) gửi giám định có dính ADN người. Phân tích được kiểu gen không hoàn chỉnh nên không truy nguyên được cá thể.

* Bản kết luận giám định số 56/KL-KTHS ngày 18/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong mẫu cần giám định.

- Đặc điểm, nhận dạng các đối tượng:

+ Đối tượng 1: áo thun ngắn tay cổ tròn màu đen, ngực áo bên trái có hoa văn, phía sau có chữ: ALENCTAGA”; quần dài màu xanh đen, mang dép quai ngang có hoa văn.

+ Đối tượng 2: áo thun ngắn tay cổ tròn màu đen, phía trước có hoa văn; quần dài màu đen; mang dép quai ngang màu đen có hoa văn.

+ Đối tượng 3: mang khẩu trang màu đen dưới cằm; áo sơ mi dài tay màu trắng; quần dài màu đen; mang dép hai quai ngang màu đen, đế trắng.

+ Đối tượng 4: áo thun cổ bẻ ngắn tay màu xanh trắng; quần ngắn màu đen; mang dép quai ngang hoa văn màu đỏ.

+ Đối tượng 5: áo thun cổ tròn sọc chéo ca rô màu trắng đen, quần ngắn màu đen.

+ Đối tượng 6: áo khoác ngoài màu đen; áo trong sơ mi màu trắng; quần dài màu đen; mang dép quai chéo màu đen.

+ Đối tượng 7: đội nón bảo hiểm màu trắng; áo khoác có trùm đầu dài tay màu xám trắng; áo trong tà áo màu trắng; quần dài màu đen; mang dép quai ngang màu trắng có hoa văn.

+ Vật 1: vật có cán; phần lưỡi có bản dẹt, phát quang ánh sáng.

+ Vật 2: vật cầm được phần sau; phần đầu dẹt, mỏng.

+ Vật 3: nón bảo hiểm loại lưỡi trai màu trắng.

- Động tác các đối tượng thể hiện từ ảnh 8 đến ảnh 17 bản ảnh giám định kèm theo.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án này là:

+ 01 con dao bằng kim loại dài 30cm, cán bằng nhựa màu đen dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 19cm; bản dao cao 3,5cm do chị Phan Thị Thu T5, sinh năm 1978, cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang giao nộp.

+ 01 con dao dài 19cm, cán bằng nhựa màu trắng dài 7cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 12cm; mũi dao sắc nhọn do Nguyễn Hoàng T giao nộp.

+ 01 đĩa CD chứa đoạn video clip được trích xuất từ camera cổng sau của Trường THPT L1.

+ 01 đĩa VCD chứa đoạn video clip được trích xuất từ camera được gắn ở trụ điện phía trước cổng sau của Trường THPT L1.

+ 01 đôi dép nhựa màu đen trắng.

+ 01 mũ bảo hiểm màu trắng có lưỡi trai nhựa màu đen.

+ 01 khẩu trang y tế màu đen.

* Thu giữ của bị cáo Nguyễn Hoàng T: 01 áo khoác Jean màu đen dài tay ; 01 quần tây dài màu đen; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng.

* Thu giữ của bị cáo Ngô Trần Duy K: 01 áo thun màu đen ngắn tay phía sau lưng có in chữ ALENCIAGA; 01 quần tây dài màu xanh đen.

* Thu giữ của bị cáo Lê Phan Thế V3: 01 áo thun ngắn tay màu đen ; 01 quần dài màu đen.

* Thu giữ của bị cáo Phạm Anh V1: 01 áo sơ mi dài tay màu trắng ; 01 quần tây dài màu đen.

* Thu giữ của bị cáo Phạm Tuấn A: 01 áo thun ngắn tay màu xanh trắng; 01 quần ngắn màu đen.

* Thu giữ của bị cáo Trần Phước T2: 01 áo thun ngắn tay màu đen có họa tiết chữ N và chữ Y màu trắng; 01 quần Jean ngắn màu đen.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Giết người”. Các bị cáo Trần Phước T2 và Phạm Anh V1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 99; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Phước T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điều 99, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Anh V1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của các bị cáo Ngô Trần Duy K, Lê Phan Thế V3, Phạm Tuấn A (tuy nhiên các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không xét), trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 20/8/2024, bị cáo Phạm Anh V1 kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ.

- Ngày 23/8/2024, bị cáo Trần Phước T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 30/8/2024, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng T là ông Nguyễn Lê V và bà Lê Thị Mỹ L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hoàng T.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị cáo T và các bị cáo V1, T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và các bị cáo khác là hợp lệ, quyết định của bản án sơ thẩm đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt.

Về nội dung vụ án: Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội nên đại diện Viện kiểm sát không tranh luận về tội danh. Đối với kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo T1 và các bị cáo khác xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo; tại phiên tòa các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo không nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T, luật sư Huỳnh Đức T1 trình bày: Khi T phạm tội chưa đủ 18 tuổi, ý thức hạn chế, chưa nhận thức được mức độ nghiêm trọng của hành vi do mình gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, xử phạt bị cáo T mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm trở về làm người có ích cho xã hội.

Bà Lê Thị Mỹ L trình bày: Mong hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo T và giảm nhẹ mức bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại do gia đình rất khó khăn, chỉ có ông V làm ra tiền để nuôi 4 đứa con.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đã rất ăn năn hối hận về hành vi của mình. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về đi học, làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, ý kiến tranh luận của Luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo T là ông Nguyễn Lê V, bà Lê Thị Mỹ L; các bị cáo Phạm Anh V1 và Trần Phước T2 thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã quy kết, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với bản tự khai, biên bản hỏi cung, vật chứng vụ án, kết luận giám định cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định:

Vào tối ngày 28/12/2023, T, V có mâu thuẫn"thuần và đánh nhau, đập xe của Lê Quốc H. Khi về nhà H có kể lại sự việc cho bị cáo Văn N1, V1 hứa sẽ kêu T

bồi thường tiền sửa xe cho H. Bị cáo V1 nhắn tin cho T hẹn 10 giờ ngày hôm sau (tức 29/12/2023) đến cổng sau ường"Trường THPT L1 để nói chuyện, đồng thời V1 cũng nhắn tin cho Trần Phước T2, Phạm Tuấn A và Phạm Hữu N cùng đến để gặp T. Khi nhận được tin nhắn của V1 thì T nhắn tin cho K và V cùng đến để gặp V1. Khi đến điểm hẹn, V1 và T xảy ra xô xát và đánh nhau thì K và V xông vào đánh V1 nên những người đi cùng với V1 gồm T2, Tuấn A và N cũng xông vào đánh trả. Lúc này, T thấy T2 có cầm dao nên T dùng dao đâm theo sẵn trong người đâm trúng vào ngực trái của N, làm N tử vong.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “*giết người*”, các bị cáo Trần Phước T2, Ngô Trần Duy K, Lê Phan Thế V3, Phạm Tuấn A và Phạm Anh V1 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hoàng T: hành vi phạm tội của bị cáo T là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của con người được pháp luật bảo vệ; giữa bị cáo và bị hại N không có mâu thuẫn gì, nhưng do N đi chung nhóm với V1 nên bị cáo T đã dùng dao đâm bị hại để thỏa mãn thù tức cá nhân. Hành vi của bị cáo không chỉ tước đi mạng sống của N mà còn thể hiện tính côn đồ, coi thường tính mạng của người khác, bất chấp pháp luật. Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ căn cứ cấu thành tội “*Giết người*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 13 năm tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nại, quanh co, không thành khẩn nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trên để giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Phước T2 và Phạm Anh V1: giữa các bị cáo không có mâu thuẫn"thuần gì với nhau mà thông qua bị cáo V1 và T, các bị cáo tụ tập thành nhóm hẹn nhau ra cổng trường để đánh nhau. Các bị cáo đã tham gia đánh nhau ngay cổng sau Trường THPT L1 vào thời điểm học sinh tan trường, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội; là điều kiện dẫn đến bị cáo T đâm chết anh N ngay sau đó.

Trong đó, bị cáo Trần Phước T2 có cầm dao của chị Phan Thị Thu T5 chạy ra quơ về nhóm của V3 và la lớn tiếng. Hành vi của bị cáo đã đủ căn cứ cấu thành tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thuộc tình tiết định khung hình phạt “*Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách*” theo quy định tại điểm b khoản 2 3" \o "Điều"Điều 318 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 2 năm đến 7 năm tù. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 2 năm 6 tháng tù là phù hợp, không nặng.

Đối với bị cáo Phạm Anh V1 bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 12 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo khoản 1 ề"Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do các bị cáo gây ra và tuyên phạt các bị cáo T2 và V1 mức án như trên là phù hợp; các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo T2, V1 là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Phước T2, và Phạm Anh V1 phải chịu án phí theo quy định. Bị cáo Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng T là ông Nguyễn Lê V và bà Lê Thị Mỹ L; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Phước T2 và Phạm Anh V1; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “*Giết người*”; các bị cáo Trần Phước T2 và Phạm Anh V1 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 99; Điều 101 Bộ luật Hình. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Phước T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 99, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Anh V1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T không phải chịu.
- Các bị cáo Trần Phước T2 và Phạm Anh V1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh

Nguyễn Văn Khương

Lê Văn An